

Số: /KH-SNNMT

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của ngành Nông nghiệp và Môi trường

Thực hiện Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 08/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của ngành Nông nghiệp và Môi trường như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Xây dựng, triển khai các nhiệm vụ cụ thể, xác định mốc thời gian, lộ trình cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ; phân công trách nhiệm cụ thể đối với các phòng, đơn vị nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch tỉnh.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; phát huy tối đa thế mạnh của ngành góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của ngành; kịp thời xem xét điều chỉnh, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra.

2. Yêu cầu

Bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quy hoạch tỉnh và Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 08/7/2026 của UBND tỉnh. Cụ thể hóa các phương án phát triển ngành. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu, các phòng chuyên môn trong quá trình tổ chức thực hiện. Bảo đảm khả thi, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường và điều kiện thực tế, nguồn lực được giao.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời

tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ.

II. CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Các mục tiêu phát triển chung

Đưa ngành Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả theo hướng “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”. Phát triển sản xuất nông lâm thủy sản theo hướng hàng hóa, tích hợp đa giá trị, dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao, đóng góp tích cực vào mục tiêu tăng trưởng “hai con số” của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

Phát huy hiệu quả của các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành Nông nghiệp và Môi trường. Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực về đất đai, khoáng sản, nước,. Kiểm soát mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học; bảo đảm chất lượng môi trường sống, duy trì cân bằng hệ sinh thái, từng bước xây dựng nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính; Đẩy mạnh chuyển biến căn bản trong khai thác, quản lý, sử dụng tài nguyên, đất đai, khoáng sản, nước, rừng theo hướng tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả và bền vững.

2. Các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Cơ cấu tổng sản phẩm Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn đến năm 2030 đạt 14 - 15%.

- Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới 60%; tỷ lệ giảm nghèo đa chiều (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) giảm 2%/năm.

- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 80%.

- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức 65%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom, phân loại và xử lý đạt trên 99%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn được thu gom, phân loại và xử lý đạt khoảng 90%; 100% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý.

- Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh việc tham mưu xây dựng, hoàn thiện, rà soát chính sách, pháp luật để tháo gỡ kịp thời các vướng mắc, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Rà soát các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách đảm bảo cơ sở pháp lý, đồng bộ, phù hợp hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương hai cấp.

Hoàn thiện, vận hành bộ máy đơn vị hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh chuyển đổi số lĩnh vực quản lý ngành Nông nghiệp và Môi trường. Chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành, lĩnh vực. Tăng cường cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Thực hiện phân cấp, phân quyền, gắn với trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường giám sát, kiểm tra.

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

2.1. Nhiệm vụ: Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn đến năm 2030: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 14 - 15%.

a) Thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp; phát triển nông thôn, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, giá trị gia tăng cao. Tập trung thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 03/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nông, lâm nghiệp tập trung, bền vững và Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 26/3/2026 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đầu tư nông nghiệp. Tăng cường vai trò kiểm tra, hướng dẫn sâu sát các xã, phường, đưa cơ chế chính sách thực sự đi vào đời sống, biến các nghị quyết thành động lực phát triển kinh tế.

Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Phòng Kế hoạch - Tài chính.

b) Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: Xây dựng kế hoạch sản xuất linh hoạt, thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh; khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, các sản phẩm đặc hữu địa phương. Đẩy mạnh xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và phát triển thương hiệu để xuất khẩu và mở rộng thị trường nông sản; Tăng cường phổ biến, chuyển giao các giống cây trồng mới có chất lượng và giá trị cao để đưa vào sản xuất. Nâng cao năng lực giám sát và dự báo, phòng trừ hiệu quả sinh vật gây hại cây trồng, chủ động phòng ngừa đối với loại sâu bệnh mới.

Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

c) Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y: Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục phát triển nhanh chăn nuôi theo hướng tăng quy mô, số lượng và nâng cao chất lượng vật nuôi chủ lực là lợn và gia cầm, duy trì ổn định đàn trâu, bò; mở rộng phát triển chăn nuôi các loài đặc sản có giá trị kinh tế cao (gà Vạn Linh, gà 6 ngón Mẫu Sơn, vịt cổ xanh, Ngựa bạch...). Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo nguyên tắc bảo đảm an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ môi

trường. Kiểm soát chất lượng con giống, khuyến khích giải pháp cải tạo nâng cao tầm vóc đàn gia súc ăn cỏ. Đẩy mạnh hiệu quả chất lượng công tác tiêm phòng cho gia súc, gia cầm đảm bảo đạt trên 80%. Giám sát và kiểm soát chặt dịch bệnh trên gia súc, gia cầm hiệu quả, không để tái nhiễm. Phát triển đồng bộ, toàn diện cả khai thác và nuôi trồng thủy sản. Khuyến khích đầu tư phát triển nuôi cá lồng tại các hồ chứa, tận dụng diện tích để nuôi thả, tăng cường áp dụng quy trình kỹ thuật mới, giống tốt vào nuôi trồng để nâng cao sản lượng. Phát triển nuôi thâm canh, lồng bè tại một số khu vực như: Văn Quan, Bình Gia, Tràng Định, Bắc Sơn, Lộc Bình... Thực hiện hiệu quả chương trình bảo vệ, tái tạo và bổ sung nguồn lợi thủy sản tại các lưu vực, thủy vực tự nhiên trên sông, hồ chứa.

Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

d) Phát triển kinh tế lâm nghiệp; Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 duy trì ở mức 65%.

Thực hiện tốt công tác tham mưu thực hiện có hiệu quả các Nghị định, Nghị quyết, Chương trình, Đề án, chính sách của tỉnh về phát triển lâm nghiệp; tham mưu, triển khai thực hiện có hiệu quả các Kết luận của Ban Bí thư, các Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Phát huy nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, huy động các nguồn lực đầu tư cho trồng rừng bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu trồng rừng trên 9.000 ha/năm; trồng cây phân tán 3.000 nghìn cây. Phấn đấu tỷ lệ che phủ rừng đạt 65%. Thực hiện bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và sử dụng bền vững, hiệu quả diện tích rừng hiện có; nâng cao năng suất, chất lượng rừng; tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC,..), trồng cây gỗ bản địa và lâm sản ngoài gỗ; hỗ trợ cho người dân tạo sinh kế, nâng cao thu nhập từ rừng thông qua phát triển kinh tế dưới tán rừng; phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững theo hướng phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong theo dõi, đánh giá trữ lượng rừng, trồng và bảo vệ rừng. Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng. Phát triển mô hình nông lâm kết hợp; tiếp tục hoàn thiện và thực thi hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và thúc đẩy phát triển kinh tế rừng. Đẩy mạnh triển khai dịch vụ hấp thụ, lưu giữ các bon và tham gia phát triển thị trường tín chỉ các bon rừng. Tổ chức thực hiện công tác quản lý giống cây lâm nghiệp, thực hiện tốt việc công nhận nguồn giống, quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp. Khuyến khích, hỗ trợ, phát triển chế biến lâm sản, nâng cao hiệu quả sản xuất lâm nghiệp.

Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi cục Kiểm lâm; Ban quản lý rừng đặc dụng và phòng hộ.

e) Đẩy mạnh phát triển các hình thức tổ chức sản xuất mới, hiệu quả: Xây dựng kế hoạch, đẩy mạnh thực hiện thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất

theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu; phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình. Khuyến khích, thúc đẩy thành lập mới hợp tác xã, tổ hợp tác, nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, gắn kết với phát triển vùng hàng hóa tập trung, sản phẩm OCOP, làng nghề, xây dựng nông thôn mới. Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Tăng cường hỗ trợ nông dân kết nối liên kết với các doanh nghiệp chế biến, hệ thống tiêu thụ sản phẩm, hình thành chuỗi khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất nông nghiệp, cơ sở chế biến nông sản quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm, tham gia các hội chợ quảng bá, giới thiệu, tiêu thụ các sản phẩm ở trong tỉnh, ngoài tỉnh và quốc tế. Triển khai có hiệu quả phần mềm thông tin OCOP và nông đặc sản Lạng Sơn, mở rộng giới thiệu sản phẩm nông đặc sản của tỉnh. Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn; Đẩy mạnh triển khai hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo hướng đa dạng hóa và nâng cao hơn nữa chất lượng gắn với xây dựng thương hiệu, tạo điều kiện thuận lợi cho tiêu thụ sản phẩm.

Đơn vị chủ trì thực hiện: Phòng Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Phòng Phát triển nông thôn.

2.2. Nhiệm vụ: Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới 60%; Tỷ lệ giảm nghèo đa chiều (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) giảm 2%/năm.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và người dân; khơi dậy, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch của Chương trình. Tăng cường tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thực hiện nhiệm vụ là cơ quan chủ trì Chương trình, tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chương trình tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030. Xác định thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là nhiệm vụ trọng tâm của ngành Nông nghiệp và Môi trường.

- Tập trung tham mưu toàn diện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai chương trình. Lồng ghép, sử dụng hiệu quả nguồn vốn chương trình. Xây dựng kế hoạch thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho cư dân nông thôn. Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn

diện, bền vững gắn với đô thị hóa; nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng nông thôn mới nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, tài nguyên và môi trường đồng bộ và hiện đại, gắn với quá trình đô thị hóa, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; đời sống nông thôn giàu bản sắc văn hóa truyền thống; đưa nông thôn trở thành nơi đáng sống.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn thực hiện Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị; triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 03/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nông, lâm nghiệp chủ lực tập trung, bền vững gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2026-2030.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho cơ sở trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung, nội dung thành phần theo từng Hợp phần của Chương trình.

Đơn vị chủ trì thực hiện: Phòng Phát triển nông thôn.

2.3. Nhiệm vụ: Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 80%.

- Tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Quy hoạch tỉnh và Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; ưu tiên đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, nhất là tại các khu vực khó khăn, thường xuyên xảy ra thiếu nước, nhằm từng bước nâng cao tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn.

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và vận hành bền vững các công trình cấp nước sạch nông thôn; tăng cường kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình và chất lượng nước sau xử lý; thực hiện các giải pháp bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường quản lý, bảo vệ và khai thác bền vững tài nguyên nước; chủ động điều hòa, phân bổ nguồn nước, thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất, góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về tài nguyên nước, thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý, khai thác công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn và cán bộ cấp xã về quản lý, vận hành, bảo trì công trình, bảo đảm cấp nước an toàn và sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; nâng cao

nhận thức của người dân về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước.

- Khuyến khích, thu hút các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư, quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, vận hành công trình, giám sát chất lượng nước và nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ cấp nước.

Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi cục Thủy lợi.

2.4. Nhiệm vụ: (1) 100% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý; (2) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom, phân loại và xử lý đạt trên 99%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn được thu gom, phân loại và xử lý đạt khoảng 90%; (3) Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

- Tăng cường quản lý, tổ chức thực hiện các giải pháp về bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường; thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, xây dựng nền kinh tế tuần hoàn

Triển khai thực hiện các kế hoạch tuyên truyền nhân các sự kiện thường niên theo chỉ đạo của các Bộ, ngành Trung ương (Ngày môi trường thế giới, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn...). Phối hợp với các cơ quan thông tin, báo chí tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Thực hiện những nhiệm vụ về kiểm soát ô nhiễm môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020. Thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định. Giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh đảm bảo thời gian, chất lượng, không để chậm hạn. Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, kế hoạch khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường.

Tiếp nhận dữ liệu từ trạm quan trắc nước thải và khí thải các doanh nghiệp với tỷ lệ truyền số liệu cơ bản đạt yêu cầu trên 80%. Quản lý, vận hành hiệu quả trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục. Thực hiện quan trắc chất lượng môi trường tỉnh.

Đơn vị chủ trì thực hiện: Phòng Quản lý Môi trường và Khoáng sản, Trung tâm Tài nguyên và Môi trường.

2.5. Công tác quản lý đất đai

Tăng cường rà soát, tham mưu điều chỉnh các quy định của tỉnh thực hiện Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Tổ chức triển khai toàn diện, hiệu quả công tác quản lý đất đai: Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất; thực hiện điều tra, đánh giá đất đai, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; hoàn thành đo đạc, lập

hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; thống kê đất đai; triển khai việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và giao dịch điện tử về đất đai; kiểm soát chặt chẽ và công khai, minh bạch trong việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bảo đảm quyền lợi hợp pháp, hoạt động sản xuất và đời sống của người có đất thu hồi. Thực hiện kiểm tra chuyên ngành về đất đai...

Kịp thời tham mưu, xử lý các khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh; rà soát quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất. Rà soát, quản lý chặt chẽ hợp đồng thuê đất, thường xuyên đôn đốc người sử dụng đất ký lại hợp đồng thuê đất khi hết thời gian ổn định đơn giá thuê đất.

Tiếp tục đề xuất UBND tỉnh các nội dung chỉ đạo triển khai có hiệu quả Đề án Tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng.

Đơn vị chủ trì thực hiện: Phòng Quản lý đất đai, Văn phòng Đăng ký đất đai.

2.6. Nâng cao năng lực phòng chống thiên tai

Tiếp tục đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nghiên cứu, xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030; tăng cường xây dựng và đề xuất các giải pháp, các dự án huy động xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, bảo vệ môi trường.

Rà soát, điều chỉnh các quy trình vận hành hồ chứa; tập trung đầu tư hoàn chỉnh hệ thống công trình; nâng cao năng lực tiêu thoát lũ của các hệ thống công trình thủy lợi, thông qua các giải pháp công trình và phi công trình để quản lý lũ tổng hợp các lưu vực sông và quản lý rủi ro thiên tai cho các địa phương.

Theo dõi chặt chẽ diễn biến thiên tai, chủ động các biện pháp phòng ngừa; kiểm soát an toàn thiên tai; kịp thời ứng phó, khắc phục hậu quả nhằm giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra. Tăng cường khả năng điều tiết các nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm; tăng cường khả năng tích nước cho mùa khô, cấp đủ nước sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân. Chủ động các phương án ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, giảm thiểu tác động tiêu cực của hạn hán, bảo đảm an toàn hồ đập; xử lý sạt lở bờ sông.

Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi cục Thủy lợi

2.7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp và Môi trường

a) Tăng cường công tác chuyển giao khoa học, công nghệ và khuyến

nông

Đẩy mạnh thực hiện công tác thử nghiệm, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; ưu tiên chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi, sản phẩm lợi thế của địa phương, theo yêu cầu thực tiễn của sản xuất liên quan đến dịch bệnh, điều kiện bất thuận của tự nhiên, ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu; các giải pháp, công nghệ trong sản xuất, chế biến, phục vụ mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới.

Tăng cường công tác khuyến nông, tập huấn nâng cao trình độ của người dân trong sản xuất nông nghiệp, vận dụng vào thực tiễn sản xuất, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất, hướng tới nền sản xuất nông nghiệp bền vững. Đổi mới các nội dung hoạt động khuyến nông, quan tâm công tác tư vấn phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết; chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất; tư vấn, kết nối các dịch vụ liên quan đến thị trường; chứng nhận xây dựng quy trình VietGAP, truy xuất nguồn gốc, dịch vụ kết nối thị trường; tư vấn và thực hiện chuyển đổi số,...

Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Khuyến nông.

b) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên và môi trường

- Xây dựng, cập nhật và vận hành hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu số chuyên ngành nông nghiệp, tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn; tập trung vào các bộ dữ liệu về đất đai, tài nguyên rừng, nguồn nước, khoáng sản, giám sát môi trường, mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói. Đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông, đồng bộ với Trung tâm dữ liệu của tỉnh Lạng Sơn và các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành.

Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong quản lý chuyên ngành; theo dõi biến động tài nguyên đất, rừng, tài nguyên nước; cảnh báo sớm thiên tai, lũ quét, sạt lở đất và sự cố môi trường; tự động hóa quy trình tưới tiêu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ...

Hỗ trợ 100% các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên tham gia các sàn thương mại điện tử lớn; mở rộng ứng dụng tem truy xuất nguồn gốc thông minh (QR Code) nhằm minh bạch thông tin, nâng cao thương hiệu và sức cạnh tranh của nông sản Lạng Sơn tại thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ quản lý, lực lượng làm công tác khuyến nông, lãnh đạo các hợp tác xã, doanh nghiệp và nông dân tiêu biểu; từng bước hình thành lực lượng "nông dân số", đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế nông nghiệp số và quản lý môi trường hiện đại giai đoạn 2026 - 2030.

Đơn vị thực hiện: Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở

(Phân công nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo kế hoạch)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các phòng, đơn vị chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch; đưa các nhiệm vụ của kế hoạch vào chương trình, kế hoạch công tác hằng tháng, quý, năm của phòng, đơn vị.

- Trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại phụ lục Kế hoạch này, các phòng, đơn vị chủ động tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và triển khai đúng tiến độ.

- Các phòng, đơn vị đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch này và kết quả thực hiện Quy hoạch tỉnh theo quy định báo cáo Sở (qua phòng Kế hoạch - Tài chính) để tổng hợp, báo cáo các bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh theo yêu cầu.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các phòng, đơn vị kịp thời báo cáo sở để được chỉ đạo, hướng dẫn, giải quyết, kịp thời bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính ;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc sở;
- Lưu: KHTC, VT (NDT).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Chiến